

PHÂN BIỆT NHỮNG CẶP TỪ DỄ NHẦM LẤN TRONG TRANG PHỤC

Tài liệu chuyên đề ôn thi Tiếng Anh - Sinh động & Dễ hiểu

1. Clothes vs. Clothing vs. Cloth (Quần áo cụ thể vs. Đồ may mặc chung vs. Tấm vải)

- **Clothes:** Quần áo nói chung mà chúng ta mặc hàng ngày (dạng số nhiều).

Ví dụ: She is packing her clothes into a suitcase for the trip.

→ Lỗi dịch: Cô ấy đang xếp quần áo của mình vào một chiếc vali cho chuyến đi.

- **Clothing:** Đồ may mặc, y phục nói chung (danh từ không đếm được).

Ví dụ: The shop sells winter clothing such as coats and jackets.

→ Lỗi dịch: Cửa hàng bán đồ may mặc mùa đông như áo khoác và áo măng-tô.

- **Cloth:** Tấm vải hoặc mảnh vải dùng để may hoặc lau chùi.

Ví dụ: He used a clean cloth to wipe the dust off the table.

→ Lỗi dịch: Anh ấy đã dùng một tấm vải sạch để lau bụi trên bàn.

2. Suit vs. Fit vs. Match (Hợp kiểu dáng vs. Vừa vặn kích cỡ vs. Phối hợp màu sắc)

- **Suit:** Hợp với ai đó (tôn dáng, làm cho người mặc đẹp hơn).

Ví dụ: That blue color really suits you; you look great in it.

→ Lời dịch: Màu xanh đó rất hợp với bạn; bạn trông rất tuyệt khi mặc nó.

- **Fit:** Vừa vặn về kích cỡ, số đo cơ thể (không quá chật/rộng).

Ví dụ: These shoes don't fit me; they are too small for my feet.

→ Lời dịch: Những đôi giày này không vừa với tôi; chúng quá nhỏ so với chân tôi.

- **Match:** Phối hợp ăn ý về màu sắc hoặc phong cách giữa các món đồ.

Ví dụ: Does this red handbag match my black dress?

→ Lời dịch: Chiếc túi xách màu đỏ này có hợp với chiếc váy đen của tôi không?

Xin lưu ý những người sử dụng: chương trình tiếng Anh tương tác “From ZERO to MASTER” này chạy rất tốt trên các trình duyệt Chrome + Fire Fox + Cốc Cốc + Opera...

Nhưng không thể chạy được trên chương trình cũ Internet Explorer.

Nếu các bạn có những thắc mắc về ngữ pháp và kỹ thuật cần giải đáp, xin mời liên hệ với
Mr. Lê Đại Phong.

Composed by Mr. Lê Đại Phong – www.tienganhhaiphong.vn **CLICK HERE →** –
phone & Zalo 0971386608

